

**KẾ HOẠCH**  
**Cải cách hành chính tỉnh Nam Định năm 2019**

Thực hiện Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 14/12/2015 về Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2020, Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 25/9/2018 về việc ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) tỉnh Nam Định năm 2018 và các năm tiếp theo, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Nam Định năm 2019, như sau:

**I. MỤC TIÊU**

Triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII), đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính (CCHC), nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành của các cơ quan hành chính để cải tiến lề lối và phương thức làm việc của người đứng đầu và của đội ngũ cán bộ, công chức; tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, công dân, tạo môi trường thông thoáng, công khai, minh bạch nhằm thu hút các nguồn lực, đầu tư sản xuất, kinh doanh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phấn đấu cải thiện việc xếp hạng Chỉ số CCHC tỉnh Nam Định và vào nhóm các tỉnh đạt điểm khá.

**II. NỘI DUNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC**

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, điều hành của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao giữa cấp ủy Đảng và Thủ trưởng đơn vị trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC và thực hiện nghiêm việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Người đứng đầu cơ quan, đơn vị theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh.

- Tổ chức quán triệt Nghị quyết số 18-NQ/TW, 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc Hội và Kế hoạch số 41-KH/TU ngày 09/3/2018 của Tỉnh ủy Nam Định nhằm tạo sự chuyển biến sâu sắc từ nhận thức đến hành động của lãnh đạo cơ quan, đơn vị và đội ngũ công chức, viên chức, người lao động về việc đổi mới quản lý, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn nhằm nâng cao chất lượng và hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các kế hoạch của UBND tỉnh: Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 09/5/2018 và kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 16/7/2018 về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch CCHC nhà nước tỉnh Nam Định năm 2019 và xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch CCHC năm 2019 của cơ quan, đơn vị.

- Đa dạng hoá công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC, kết hợp thông tin tuyên truyền với các hoạt động thường xuyên của các tổ chức, đoàn thể.

- Xây dựng, vận hành hệ thống điện tử thông suốt, kết nối và liên thông văn bản điện tử, dữ liệu từ tỉnh đến cấp huyện và đến cấp xã.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động chỉ đạo, điều hành, quản lý văn bản trong việc tổ chức thực hiện công tác CCHC và một cửa điện tử để giải quyết TTHC tại cơ quan, đơn vị.

- Nâng cao chất lượng việc tự kiểm tra, kiểm tra thường xuyên và kiểm tra đột xuất tình hình thực hiện công tác CCHC và công vụ tại cơ quan, đơn vị và các đơn vị trực thuộc nhằm chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước các cấp.

- Thực hiện nghiêm túc công tác báo cáo định kỳ đảm bảo đủ nội dung, đúng thời gian quy định.

- Cải thiện thứ hạng xếp loại Chỉ số CCHC của tỉnh theo Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 25/9/2018 của UBND tỉnh; duy trì thực hiện Chỉ số CCHC của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Đưa kết quả thực hiện công tác CCHC là một trong các tiêu chí bình xét thi đua, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, của Người đứng đầu cơ quan, đơn vị và của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

## **2. Cải cách thể chế**

- Quán triệt, cụ thể hóa, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo tính khả thi, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) và phân công, phân cấp quản lý hành chính nhà nước trên các lĩnh vực giữa các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao chất lượng ban hành văn bản QPPL đảm bảo tính khả thi, dễ thực hiện; thường xuyên rà soát, kiểm tra, hệ thống hóa văn bản QPPL do tỉnh ban hành để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ theo quy định.

- Thực hiện nghiêm các quy định theo Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 của UBND tỉnh về quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước về thực hiện công tác CCHC trong xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các kế hoạch: Cải cách hành chính, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, rà soát, đánh giá TTHC, kiểm tra công tác

CCHC, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, tinh giản biên chế và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành tại cơ quan, đơn vị.

### **3. Cải cách thủ tục hành chính**

- Thực hiện công khai, minh bạch, đầy đủ các thủ tục hành chính (TTHC) theo thẩm quyền giải quyết, đường dây nóng, địa chỉ Email trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, trên Trang thông tin điện tử, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cơ quan, đơn vị và tại các đơn vị trực thuộc.

- Các sở, ngành phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục TTHC sau khi các bộ, ngành công bố.

- Thực hiện nghiêm các quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

- Rà soát, đánh giá TTHC và thực hiện các phương án đơn giản hóa TTHC theo quy định tại Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm việc đánh giá tác động của TTHC theo quy định tại Thông tư số 07/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp.

### **4. Cải cách tổ chức bộ máy**

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả, đúng lộ trình theo Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh về việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 16/7/2018 của UBND tỉnh về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng của các đơn vị sự nghiệp công lập. Hoàn thiện cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm theo Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ quy định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức và Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/05/2012 của Chính phủ về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập để làm cơ sở xác định biên chế, tuyển dụng, sử dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện tinh giản biên chế.

- Đẩy mạnh thực hiện phân cấp quản lý giữa UBND tỉnh với các sở, ban, ngành, cấp huyện và giữa cấp huyện với cấp xã đảm bảo tính chủ động giữa nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm, đồng bộ với nguồn lực tài chính.

- Thực hiện theo đúng lộ trình việc tinh giản biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ.

### **5. Đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức**

- Xây dựng các giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

- Tăng cường quản lý cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở sắp xếp, bố trí theo vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế được UBND tỉnh giao hàng năm.

- Thực hiện nghiêm các quy định về tuyển dụng, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Đổi mới việc thi tuyển cạnh tranh đối với cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo tính khách quan, công bằng.

- Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút cán bộ, công chức, viên chức có trình độ cao về làm việc tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

- Thực hiện nghiêm các quy định trong công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động và luân chuyển cán bộ lãnh đạo quản lý các ngành, các cấp.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn đối với cán bộ, công chức, viên chức; gắn kết công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức với việc bố trí theo vị trí việc làm, chức danh, yêu cầu nhiệm vụ và quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Thực hiện nghiêm việc đánh giá trách nhiệm Người đứng đầu và đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

## **6. Cải cách tài chính công**

- Tăng cường công tác quản lý ngân sách nhà nước; thực hiện có hiệu quả công tác quản lý thu ngân sách nhà nước để đảm bảo chi thường xuyên, đồng thời tiết kiệm chi thường xuyên để tăng đầu tư phát triển; kiểm tra việc ban hành và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện và rà soát đánh giá chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ và Quyết định số 151/2006/QĐ-TTg ngày 29/6/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập .

- Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện áp dụng.

## **7. Hiện đại hóa nền hành chính nhà nước**

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, quản lý, điều hành trên Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phần mềm một cửa điện tử trong giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa và quản lý văn bản và điều hành tại các cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện và duy trì Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Nam Định; phân đầu xây dựng Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại tại ít nhất 50% số huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường việc sử dụng hộp thư công vụ của Chính phủ, của tỉnh ([...@namdinh.chinhphu.vn](mailto:...@namdinh.chinhphu.vn) và [...@namdinh.gov.vn](mailto:...@namdinh.gov.vn)), việc sử dụng văn bản điện

từ trong các cơ quan, đơn vị theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước; Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước và Văn bản số 573/UBND-VP8 ngày 20/11/2018 của UBND tỉnh về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hợp trực tuyến của UBND tỉnh.

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm việc cung cấp dịch vụ công và giải quyết hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết ở mức độ 3 và 4.

- Duy trì, cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố.

- Thực hiện việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ tại các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố và nâng cấp Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO theo phiên bản 2015 đảm bảo phủ kín 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; triển khai nhân rộng việc xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các đơn vị xã, phường, thị trấn của các huyện và thành phố Nam Định.

## **8. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông**

- Triển khai, tổ chức thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 99/KH-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Thông tư số 01/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

- Xây dựng và đưa vào vận hành Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nam Định.

- Kiện toàn tổ chức, đưa ngay vào nề nếp hoạt động và đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giải quyết TTHC để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị.

- Cập nhật, bổ sung kịp thời các TTHC công bố mới lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, tổ chức biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện.

- Thực hiện đúng quy định về tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích theo Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

## **9. Công tác thanh tra, kiểm tra CCHC**

- Tổ chức thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra công vụ năm 2019 và kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị của các cuộc thanh tra đối với các cơ quan, đơn vị đã tiến hành thanh tra năm 2018.

- Sở Nội vụ tham mưu cho UBND tỉnh thành lập các đoàn kiểm tra công tác CCHC năm 2019 và xây dựng kế hoạch, tổ chức cho các đoàn kiểm tra công tác CCHC tại một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu cho UBND tỉnh thành lập các đoàn kiểm tra và đánh giá kết quả việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

### **10. Xác định Chỉ số cải cách hành chính**

- Thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm, điều tra xã hội học, điều tra sự hài lòng của người dân tổ chức để xác định Chỉ số CCHC năm 2018 của tỉnh Nam Định theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

- Chính sửa và duy trì thực hiện Bộ Chỉ số theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện công tác CCHC của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

- Chính sửa và duy trì thực hiện đánh giá, chấm điểm việc duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 của các sở, ban, ngành, các đơn vị trực thuộc và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

### **III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CHỦ YẾU (theo biểu đính kèm)**

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC do ngân sách tỉnh đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị. Các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện công tác CCHC theo quy định của Bộ Tài chính.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm: Căn cứ Kế hoạch này, xây dựng, triển khai và tổ chức thực hiện hiệu quả kế hoạch CCHC năm 2019 của cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành; cập nhật, rà soát TTHC, kiểm tra CCHC tại các đơn vị trực thuộc và định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện công tác CCHC theo quy định tại Văn bản số 725/BNV-CCHC ngày 01/3/2012 của Bộ Nội vụ về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ để tổng hợp).

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp triển khai, tổ chức thực hiện đồng bộ, thống nhất và hiệu quả các nhiệm vụ công tác CCHC năm 2019; theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC thông qua việc xác định Chỉ số CCHC của tỉnh Nam Định và của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố hàng năm.

3. Văn phòng UBND tỉnh đẩy mạnh thực hiện công tác kiểm soát TTHC theo hướng cụ thể hóa các nhiệm vụ đảm bảo tính khả thi, dễ thực hiện; nâng cao chất lượng giải quyết TTHC trên tất cả các lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước, nhất là TTHC có liên quan đến người dân và doanh nghiệp; tổ chức triển

khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

4. Sở Thông tin Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền và việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ; công khai minh bạch 100% TTHC công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; tăng cường việc sử dụng hộp thư điện tử của Chính phủ, sử dụng văn bản điện tử và truyền hình trực tuyến các cuộc họp, hội nghị; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ triển khai thực hiện mô hình một cửa hiện đại trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Tư pháp tiếp tục quán triệt, phổ biến, nâng cao chất lượng xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật; rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và báo cáo công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

6. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện việc duy trì, nâng cấp Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, đơn vị đảm bảo phù kín các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và chuyển đổi sang phiên bản 2015; kiểm tra, giám sát, đánh giá, chấm điểm việc duy trì Hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan, đơn vị; đẩy nhanh tiến độ triển khai, xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Tài chính phối hợp với Sở Nội vụ giúp UBND tỉnh trong việc cân đối, bố trí và cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ CCHC, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định; hướng dẫn, theo dõi các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí và quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về UBND (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nội vụ;
- TT.Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài Phát thanh và TH tỉnh, Báo Nam Định;
- Website tỉnh;
- Lưu: VP1, VP8

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Đình Nghị**



**MIỆU NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH NAM ĐỊNH NĂM 2019**

Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 20 tháng 12 Năm 2018 của UBND tỉnh Nam Định)

Nhiệm vụ	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến	Ghi chú	
I. Rà soát và hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật	1.1. Kế hoạch kiểm tra rà soát và hệ thống hoá văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh		Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên		
	1.2. Báo cáo kết quả thực hiện tự kiểm tra, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền		Sở Tư pháp	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên		
	1.3. Báo cáo kết quả định kỳ rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành		Sở Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên		
	1.4. Các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành được đăng công báo	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Thông tin và TT	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên			
2. Nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật được ban hành	2.1. Dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh		Các Sở, ban, ngành	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên		
	2.2. Báo cáo thẩm định văn bản quy phạm pháp luật		Sở Tư pháp	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên		
II. Cải cách thủ tục hành chính	1. Rà soát, đánh giá TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh	1.1. Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2019	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên		
		1.2. Công bố công khai danh mục các TTHC mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của các sở, ngành, UBND cấp huyện	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên		
		1.3. Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá TTHC của các sở, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên		
		1.4. Công khai TTHC trình trên cơ sở dữ liệu quốc gia và trên Cổng, Trang thông tin điện tử của tỉnh, của các cơ quan, đơn vị	Văn phòng UBND tỉnh, Sở TTTT	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên		
	2. Mở rộng, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa và một cửa liên thông ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã	2.1. Kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông		Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành, UBND huyện, xã	Năm 2018/9	Kinh phí thường xuyên	
		2.2. Vận hành Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Nam Định		Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành	Năm 2019	Kinh phí Dự án và thường xuyên	
		2.3. Quyết định của cơ quan, đơn vị ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của bộ phận một cửa		Các SBN và UBND huyện	Văn phòng UBND tỉnh	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
	3. Công khai TTHC và giám sát hoạt động của bộ phận một cửa	Niên yết công khai tất cả các danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị; Số điện thoại, email của phòng Kiểm soát TTHC - VP UBND tỉnh và của các ngành, các cấp		Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên	
	III. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính NN	1. Rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện	1.1. Quyết định kiện toàn tổ chức, bộ máy cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định của Trung ương	Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện	Sở Nội vụ	Thường xuyên	Kinh phí thường xuyên	
			1.2. Sửa đổi Quyết định số 88/2007/QĐ-UB ngày 11/01/2007 của UBND tỉnh về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh		Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên
2. Kiểm tra tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị		2.2. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác CCHC, tổ chức bộ máy tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện và xã, phường, thị trấn		Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	



Nhiệm vụ	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến	Ghi chú
		2.2. Tổ chức thanh tra công vụ, kiểm tra công tác CCHC, tổ chức bộ máy tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện và xã, phường, thị trấn	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
IV. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, CC, VC	1. Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức	1.1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định biến chế hành chính SN năm 2019	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Quý II năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
		1.2. Quyết định của UBND tỉnh giao biên chế hành chính, sự nghiệp cho các cơ quan, đơn vị	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
	2. Thực hiện chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức	2.1. Văn bản của UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện việc điều chỉnh mức lương tối thiểu	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
		2.2. Nâng bậc lương đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định hiện hành	Các Sở, ban, ngành, UBND các cấp	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
	3. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nhà nước ở tỉnh	3.1. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Nam Định năm 2019	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng	
		3.2. Tổ chức thi nâng ngạch lên ngạch chuyên viên chính và tương đương	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng	
		3.3. Thực hiện chính sách ưu đãi đối với cán bộ, công chức, viên chức có trình độ thạc sỹ, tiến sỹ được cấp có thẩm quyền cử đi học và tuyển dụng mới	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí đào tạo bồi dưỡng	
		3.4. Đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức	Các Sở, ban, ngành, UBND các cấp	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã, đơn vị SN	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
		3.5. Tập huấn công chức và công chức chuyên trách CCHC, cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận một cửa tại các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
	V. Cải cách tài chính công	1. Thực hiện các quy định của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính Nhà nước; Cơ chế tự chủ về tài chính đối với đơn vị SN công lập	1.1. BC tình hình thực hiện các quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính NN; Cơ chế tự chủ về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên
1.2. Thông báo thẩm định và phân bổ dự toán ngân sách cho các cơ quan, đơn vị thực hiện tự chủ về tài chính theo ND của CP			Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
1.3. Biên bản xét duyệt quyết toán, thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách đối với đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính theo ND của Chính phủ			Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
1.4. Các báo cáo kiểm tra việc xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và tình hình thực hiện công khai tài chính của các đơn vị dự toán khối tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính theo ND của CP			Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
2.1. UBND tỉnh ban hành quy định về điều hành dự toán ngân sách nhà nước năm 2018			Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	

Nhiệm vụ	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến	Ghi chú
	2. Triển khai thực hiện đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách cho cơ quan hành chính, cơ chế cấp phát ngân sách phù hợp với tình hình mới	2.2. HĐND tỉnh phê duyệt quyết toán ngân sách nhà nước của tỉnh năm 2017	Sở Tài chính	Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế tỉnh	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
		2.3. Thông báo kết quả thẩm định quyết toán ngân sách nhà nước đối với khối huyện	Sở Tài chính	UBND huyện, thành phố	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
		2.4. Thông báo kết quả thẩm định quyết toán vốn đầu tư XDCB các công trình dự án hoàn thành	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
VI. Hiện đại hoá hành chính	1. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước ở tỉnh	1.1. Duy trì thực hiện cơ sở quản lý cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và CN, Sở Thông tin và TT	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
		1.2. Tuyển dụng, thi tuyển công chức, viên chức theo hình thức thi tuyển cạnh tranh	Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	
		1.3. Phần mềm quản lý văn bản, phần mềm một cửa điện tử và các phần mềm chuyên ngành được triển khai thực hiện	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND huyện	Năm 2019	Kinh phí sự nghiệp khoa học và CN	
		1.4. Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia được khai thác, vận hành tốt	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
		1.5. Triển khai TTHC đã được công bố trên dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	
		1.6. Học tập kinh nghiệm của các tỉnh và tập huấn cho chuyên viên Sở Nội vụ, sở Thông tin và Truyền thông để xây dựng và áp dụng một cửa liên thông hiện đại	Sở Nội vụ	Sở Thông tin và TT và UBND huyện, thành phố	Năm 2019	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	
	2. Mở rộng, nâng cao chất lượng việc áp dụng hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008	2.1. Công bố việc áp dụng Hệ thống QLCL theo TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ban, ngành, Chi cục thuộc sở và UBND cấp huyện, xã	Năm 2019	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	
		2.2. Duy trì việc áp dụng Hệ thống QLCL theo TCVN ISO 9001:2008	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Các Sở, ban, ngành, Chi cục thuộc sở và UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	
		2.3. Triển khai việc xây dựng và áp dụng Hệ thống QLCL theo TCVN ISO 9001:2008 tại UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND cấp xã	Năm 2019	Kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ	
VII. Chỉ số CCHC	Đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2018	3.1. Tự đánh giá, chấm điểm và điều tra sự hài lòng của người dân, tổ chức và điều tra XHH xác định Chỉ số CCHC năm 2018 của tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ	Sở Nội vụ	VP UBND tỉnh và các sở: Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và ĐT, Thông tin và TT, KH và CN	Theo quy định của Bộ Nội vụ	Kinh phí CCHC	
		3.2. Thẩm định kết quả, công bố kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2018 của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh	UBND tỉnh	VP UBND tỉnh và các sở: Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và ĐT, Thông tin và TT, KH và CN	Quý I năm 2019	Kinh phí CCHC	
		1.1. Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính tỉnh Năm 2019	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành UBND cấp huyện	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	

Nhiệm vụ	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kinh phí dự kiến	Ghi chú
<b>VIII. Công tác chỉ đạo, điều hành</b>	1. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh	1.2. Chương trình, chuyên mục CCHC phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và tin, bài được đăng tải trên Báo Nam Định; Cổng thông tin điện tử của tỉnh và trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và TT, Đài PTTH tỉnh, Báo Nam Định	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Thường xuyên	Kinh phí CCHC	
		1.3. Tin, bài, ảnh về cải cách hành chính được đăng trên ấn phẩm và các chuyên trang khác	Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên	Kinh phí CCHC	
	2. Tổ chức thực hiện đề án, chương trình cải cách hành chính nhà nước ở tỉnh	Tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2018, triển khai Kế hoạch CCHC năm 2019	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã	Năm 2019	Kinh phí thường xuyên	